

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

-----o0o-----

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ BIDDING DOCUMENTS

Tên gói thầu./
Bidding package
name:

2025/MS40: Cung cấp con lăn cho hệ thống vận chuyển

Chủ đầu tư
/Bên mời thầu./
Investor
/Party calling for
tenders:

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long./ Thang Long
Thermal Power Joint Stock Company

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN
THĂNG LONG



QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Mạnh

Quảng Ninh, năm 2025

PHẦN I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU./ PART I. CONTRACTOR INSTRUCTIONS

Mục 1. Giới thiệu chung./ Section 1. General introduction

1. Bên mời thầu/Bên mua hàng hóa, dịch vụ:

1. Bidder/Buyer of goods and services:

- **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long**

Thang Long Thermal Power Joint Stock Company

- Địa chỉ : Xã Lê Lợi, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Address: Le Loi Commune, Ha Long City, Quang Ninh Province, Vietnam.

- Điện thoại : 024 3513 2418

Fax :

Phone : 024 3513 2418

Fax:

- Tài khoản số : 9910686868

Account number : 9910686868

- Mở tại NH : VPBank - Hội sở chính

Open at bank : VPBank - Head office

- Mã số thuế : 5700669596

Tax code : 5700669596

- Đại diện là Ông: **Nguyễn Văn Mạnh**

Representative is Mr. Nguyen Van Manh

- Chức vụ: Quyền Tổng Giám Đốc (Theo giấy Ủy quyền số 05/2024/UQ-TLP ngày 25/9/2024).

Position: Acting General Director (According to Authorization letter No. 05/2024/UQ-TLP dated September 25, 2024).

2. Tên gói thầu: 2025/MS40: **Cung cấp con lăn cho hệ thống vận chuyển.**

2. Package name: 2025/MS40: **Supply rollers for conveying systems.**

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

3. Contract type: *Fixed unit price contract.*

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Giao hàng đợt 1 trong vòng 30 ngày. Giao hàng đợt 2 trong vòng 60 ngày. Chi tiết khối lượng giao hàng đợt 1, đợt 2 tại biểu giá chào chi tiết.

4. Contract implementation period: *Delivery of batch 1 within 30 days. Delivery of batch 2 within 60 days. Details of delivery volume of batch 1 and batch 2 are in the detailed price list..*

Mục 2. Hồ sơ chào giá./ Section 2. Bidding documents

Hồ sơ chào giá do nhà thầu chuẩn bị bao gồm các thành phần sau:

The bidding documents prepared by the contractor include the following components:

2.1. Thành phần, nội dung của HSCG

1. Biểu giá chào: Theo biểu mẫu 01 kèm theo HSMCG
2. Tài liệu Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng
3. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu đáp ứng theo yêu cầu tại HSMCG này. Chi tiết yêu cầu tại biểu mẫu 01 kèm theo HSMCG
4. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu tại HSMCG này.
5. Các nội dung khác về:
 - Thời gian hiệu lực của HSCG;
 - Thời gian, địa điểm, phương thức, tiến độ giao hàng;
 - Các điều khoản về bảo lãnh thực hiện Hợp đồng; Tạm ứng, thanh toán ...
 - Các nội dung khác.

2.1. Composition and content of HSCG

1. Offer price list: According to form 01 attached to HSMCG
2. Documents Documents proving the eligibility of the person signing the offer
3. Documents proving the contractor's capacity and experience meet the requirements in this HSMCG. Details required in form 01 attached to HSMCG
4. Documents proving the satisfaction of goods and services as required in this HSMCG. Details required in form 01 attached to HSMCG.
5. Other contents about:
 - Validity period of HSCG;
 - Time, location, method, delivery schedule;
 - Terms of contract performance guarantee; Advances, payments...
 - Other contents.

2.2. Quy cách của hồ sơ chào giá

2.2.1. Nộp hồ sơ bằng bản cứng:

Hồ sơ chào giá phải được đựng trong bì kín, được niêm phong theo quy cách của Nhà thầu.

- Trên túi niêm phong, nhà thầu cần ghi rõ các thông tin sau:
- Tên nhà thầu:
- Địa chỉ nhà thầu:
- Số điện thoại liên hệ:
- Tên gói thầu:
- Ghi rõ "Bản gốc" hoặc "Bản chụp"

2.2.2. Nộp hồ sơ bằng email (chỉ áp dụng khi đã nộp bản cứng):

Trong trường hợp nhà thầu đã gửi bản cứng niêm phong trước thời gian đóng thầu (căn cứ theo dấu bưu điện), đến thời điểm đóng thầu/mở thầu mà Bên mời thầu chưa nhận được hồ sơ, nhà thầu có thể gửi thêm bản mềm qua email.

File mềm gửi qua email phải được đặt mật khẩu.

Nội dung của bản chào giá trong email phải hoàn toàn giống với bản cứng đã niêm phong.

Trên tiêu đề email, nhà thầu cần ghi rõ các thông tin tương tự như trên túi niêm phong của bản cứng.

Bên mời chào giá sẽ yêu cầu cung cấp mật khẩu trong thời gian mở thầu.

Lưu ý quan trọng:

Khi đối chiếu hồ sơ, nếu nội dung giữa bản cứng niêm phong và bản mềm gửi qua email có sự khác biệt, hồ sơ của nhà thầu sẽ bị loại.

Việc gửi bản mềm qua email chỉ là hình thức bổ sung và không thay thế cho việc nộp bản cứng niêm phong.

2.2. Specifications of bidding documents

2.2.1 *The bid document must be contained in a sealed envelope.*

Bidding documents must be contained in sealed envelopes according to the Contractor's specifications..

- *The following information must be clearly indicated on the sealed envelope:*
- *Bidder's Name*
- *Bidder's Address*
- *Contact Phone Number*
- *Package/Project Name*
- *Indicate "Original" or "Copy"*

2.2.2. Submit application by email (only applicable when hard copy has been submitted):

In case the contractor has sent a sealed hard copy before the bid closing time (based on the postmark), and at the bid closing/bid opening time but the Bid Procuring Entity has not received the documents, the contractor can send additional soft copies via email.

Soft files sent via email must be password protected.

The content of the email quotation must be exactly the same as the sealed hard copy.

On the email subject, the contractor should clearly state the same information as on the sealed envelope of the hard copy.

The bidding party will request a password during the bid opening time.

Important note:

When comparing documents, if the content between the sealed hard copy and the soft copy sent via email is different, the contractor's documents will be rejected.

Sending soft copies via email is only a supplement and is not a substitute for submitting sealed hard copies.

Mục 3. Các quy định khác./ Section 3. Other regulations

3.1. Làm rõ, sửa đổi HSMCG:

- Nhà thầu cần làm rõ nội dung của HSMCG có thể gửi yêu cầu vào mail: KDMS_Sale_Procurement_dept@thanglongpower.vn. Hoặc liên hệ trực tiếp theo số điện thoại: 0936. 677.838;

- Trường hợp sửa đổi HSMCG, bên mời thầu sẽ gửi nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSMCG không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời thầu sẽ gia hạn thời điểm đóng thầu.

3.1. Clarifying and amending HSMCG:

- *Contractors who need to clarify the content of the HSMCG can send a request to email: KDMS_Sale_Procurement_dept@thanglongpower.vn. Or contact directly at phone number: 0936. 677.838;*
- *In case of amending the HSMCG, the bid solicitor will send the revised content to all contractors who have received the HSMCG no later than 03 working days before the bid closing date. In case it is not enough 03 working days, the bid solicitor will extend the bid closing time.*

3.2. Nộp, rút, điều chỉnh HSCG, giá chào

- Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSCG của tất cả nhà thầu nộp HSCG trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu nộp HSCG sau thời điểm đóng thầu thì HSCG bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu;
- Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSCG bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu;
- Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSCG thì nhà thầu nộp HSCG thay thế hoặc HSCG sửa đổi cho bên mời thầu.

*** Địa chỉ nộp HSCG:**

- Phòng Kinh doanh – Mua sắm CTCP Nhiệt điện Thăng Long
- Địa chỉ : Xã Lê Lợi, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Điện thoại : 024 3513 2418
- Hòm thư nhận HSCG dạng file:
KDMS_Sale_Procurement_dept@thanglongpower.vn

3.2. Deposit, withdraw, adjust HSCG, offer price

- *The bid solicitor will receive the bids from all bidders who submit bids before the bid closing time. In case the contractor submits the HSCG after the bid closing time, the HSCG will be rejected and returned to the contractor in its original state;*
- *After submission, the bidder can withdraw the bidding documents by sending a written notice signed by the bidder's legal representative to the bid solicitor before the bid closing time;*
- *Before the bid closing time, if it is necessary to amend or replace the HSCG, the bidder shall submit the replacement HSCG or revised HSCG to the bid solicitor.*

*** Address for submitting HSCG:**

- *Sales and Procurement Department of Thang Long Thermal Power Joint Stock Company*
- *Address: Le Loi Commune, Ha Long City, Quang Ninh Province, Vietnam.*
- *Phone: 024 3513 2418*
- *Email to receive HSCG files: KDMS_Sale_Procurement_dept@thanglongpower.vn*

3.3. Mở chào giá:

Việc mở thầu do Bên mời thầu thực hiện có sự tham gia của các Phòng chức năng và Ban giám đốc.

3.3. Opening bids:

The bid opening is carried out by the Procuring Entity with the participation of functional departments and the Board of Directors

3.4. Làm rõ HSCG:

- Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSCG theo yêu cầu của bên mời thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSCG của nhà thầu;
- Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSCG đã nộp và không thay đổi giá chào.

3.4. Clarifying HSCG:

- *After bid opening, the contractor is responsible for clarifying the HSCG at the request of the bidding party. The bidding party will request the contractor in writing to clarify the contractor's HSCG;*
- *The clarification must ensure that it does not change the nature of the bidder, does not change the basic content of the submitted HSCG and does not change the offered price.*

3.5. Giải quyết các kiến nghị trong chào giá

Địa chỉ nhận kiến nghị và thông tin về người có thẩm quyền:

- Người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn Mạnh. Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc
- Bộ phận thường trực giúp việc: Phòng Kinh doanh – Mua sắm Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long
- E-mail: KDMS_Sale_Procurement_dept@thanglongpower.vn.

3.5. Resolve recommendations in bidding

Address to receive petitions and information about competent persons:

- *Authorized person: Mr. Nguyen Van Manh. Position: Acting General Director*
- *Standing assisting department: Sales - Procurement Department of Thang Long Thermal Power Joint Stock Company*
- *E-mail: KDMS_Sale_Procurement_dept@thanglongpower.vn.*

PHẦN II. CÁC YÊU CẦU CHI TIẾT/ĐÁNH GIÁ
PART II. DETAILED REQUIREMENTS/ASSESSMENT

Mục 1: Các yêu cầu chung./ Section 1: General requirements

TT./No	Nội dung./ Content	Thông số./ Parameter	Ghi chú./ Note
1	Thời gian đóng/mở thầu Bid opening/closing time	14h00 ngày tháng năm 2025	
2	Thời gia hiệu lực của HSCG Validity period of HSCG	30 ngày./ 30 days	
4	Bảo đảm chào giá./ Price guarantee	Không yêu cầu Not required	
5	Bảo đảm thực hiện hợp đồng./ Guarantee of contract performance	Không yêu cầu Not required	

Mục 2. Yêu cầu phạm vi, tiến độ cung cấp, giao hàng

Section 3. Requirements for scope, supply schedule, and delivery

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Phạm vi cung cấp	Có khả năng cung cấp/chào đầy đủ về chủng loại, số lượng	Biểu giá chào không đầy đủ chủng loại, số lượng
2	Tiến độ cung cấp	Giao hàng đợt 1 trong vòng 30 ngày. Giao hàng đợt 2 trong vòng 60 ngày	Giao hàng đợt 1 > 30 ngày. Giao hàng đợt 2 > 60 ngày

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
3	Giao hàng	- Địa điểm giao hàng: Kho hàng CTCP Nhiệt điện Thăng Long tại xã Lê Lợi, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Nhà thầu có trách nhiệm hạ hàng, xếp xuống vị trí tập kết tại kho hàng. - Bên mua hỗ trợ xe nâng hạ	Điều kiện giao hàng không đáp ứng yêu cầu hoặc kèm theo điều kiện

Mục 3. Các yêu cầu chung về kỹ thuật, bảo hành

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Chất lượng	Hàng đúng quy cách và các yêu cầu kỹ thuật tại bản vẽ kèm theo Hồ sơ này, mới 100% sản xuất từ năm 2024 đến 2025	Không đúng quy cách, đã qua sử dụng, sản xuất trước năm 2024
2	Các giấy tờ kèm theo để đánh giá về nguồn gốc, chất lượng hàng hóa		
*	Với hàng hóa nhập khẩu		
-	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO)	Có giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO): Bản gốc Hoặc giấy tờ tương đương khác: Bản gốc	Không có
-	Chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ)	Có chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ): Bản gốc Hoặc giấy tờ tương đương khác: Bản gốc	Không có

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
*	Với hàng hóa sản xuất trong nước		
-	Giấy chứng nhận xuất xưởng	Giấy chứng nhận xuất xưởng của nhà sản xuất	Không có
-	Các hồ sơ khác về chất lượng vật liệu	Có hồ sơ kèm theo để chứng minh tính đáp ứng theo yêu cầu kỹ thuật	Không có
3	Quy cách	Chào đúng quy cách theo bản vẽ và các yêu cầu kỹ thuật nêu trong bản vẽ kèm theo HSMCG này	Chào sai quy cách và/hoặc không đáp ứng chất lượng yêu cầu
4	Bảo hành	- Thời gian bảo hành: 12 tháng - Điều kiện bảo hành: Theo các quy định của hãng, nhà sản xuất. - Phương thức bảo hành: Cấp thay thế hàng mới đối với các con lăn bị lỗi, hư hỏng trong thời gian bảo hành	- Thời gian bảo hành < 12 tháng. - Không cam kết bảo hành theo các quy định của hãng và/hoặc kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho bên mua - Không cam kết phương thức bảo hành: Cấp thay thế hàng mới đối với các con lăn bị lỗi, hư hỏng trong thời gian bảo hành

Chi tiết quy cách, các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng theo bản vẽ cho từng loại con lăn kèm theo hồ sơ mời chào giá này.

Mục 4. Các điều kiện về tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán

Section 4. Conditions on advance payment, acceptance and payment

Nhà thầu tham gia chào giá cung cấp dịch vụ tuân thủ các quy định sau về thanh toán:

Contractors participating in bidding to provide services comply with the following regulations on payment:

TT. No	Nội dung./ Content	Quy định./ Regulations
-----------	--------------------	------------------------

1	Tạm ứng./ Advance	Không tạm ứng./ No advance payment
2	Nghiệm thu./ Acceptance	Nghiệm thu theo từng đợt giao hàng./ Acceptance according to each delivery batch./
3	Thanh toán./ Pay	Thanh toán theo từng đợt giao hàng. Thanh toán trong vòng 40-50 ngày kể từ ngày giao hàng, nghiệm thu và Bên thuê dịch vụ nhận được hồ sơ thanh toán./ Payment within 40-50 days from the date of acceptance and the Service Hiring Party receives the payment documents.
4	Hồ sơ thanh toán gồm: - Giấy đề nghị thanh toán: 01 bản gốc. - Biên bản nghiệm thu: 04 bản gốc - Giấy tờ về nguồn gốc, xuất xứ hoặc các giấy tờ tương đương khác: Bản gốc. - Cam kết bảo hành - Hóa đơn VAT. Payment documents include: - <i>Payment request form: 01 original.</i> - <i>Acceptance minutes: 04 originals</i> - <i>Documents on origin or other equivalent documents: Original.</i> - <i>Warranty commitment</i> - <i>VAT invoice.</i>	

PHẦN III. MẪU BIỂU GIÁ CHÀO

I. Biểu mẫu đơn chào giá

Thông tin về Cty tham gia chào giá

Số:

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: ____ [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời chào giá và văn bản sửa đổi hồ sơ mời chào giá ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời chào giá. Chi tiết giá chào như sau:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Đơn giá chào	Ghi chú
1	Tổng giá chào trước thuế			- Đơn giá cố định. - Chi tiết biểu giá kèm theo đơn giá chào này.
2	Thuế VAT			
3	Tổng giá chào sau thuế			

Tiến độ cung cấp: Giao hàng đợt 1 trong vòng 30 ngày; Giao hàng đợt 2 trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

II. Biểu giá chào chi tiết

Thông tin về Cty tham gia chào giá

Số:

BIỂU GIÁ CHÀO CHI TIẾT

Gói thầu:

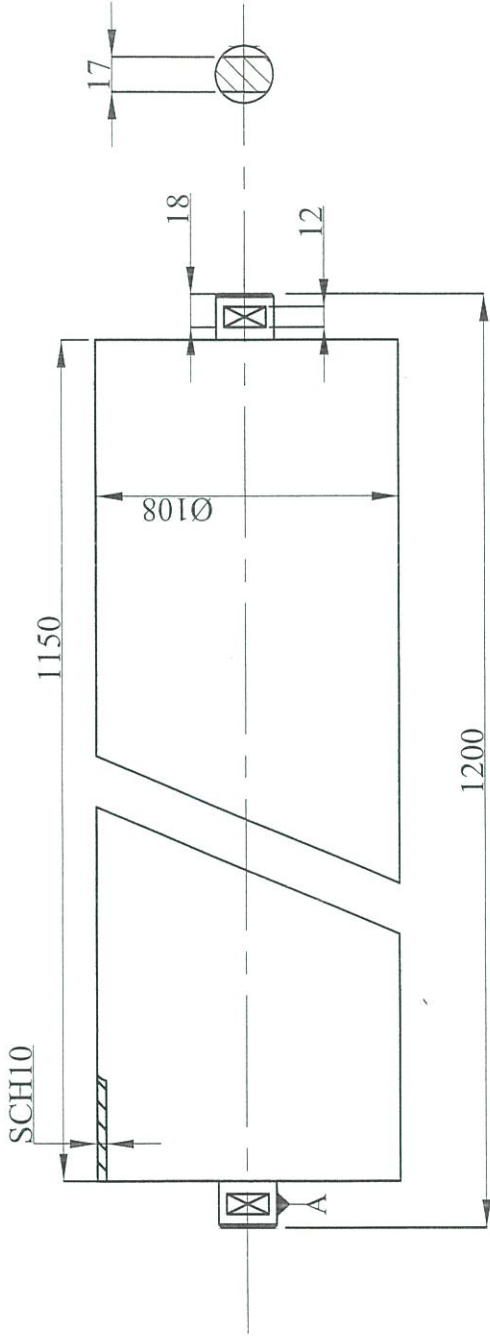
TT	Mã hàng	Tên vật tư./Item Quy cách giá./Specifications bids	Bản vẽ và các yêu cầu kỹ thuật./ Drawings and technical requirements	ĐVT./ Unit	Số lượng./Qu antity	Số lượng giao hàng đợt 1	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offer ed unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Am ount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]=[6]*[8]	[10]
1	0602.01.0072	Con lăn / Idler. Ø108x1150-6205-2/18	0602.01.0072	Cái/ Pcs	30	20			
2	0602.01.0068	Con lăn giảm chấn / Impact idler. Ø108/60x380-6205-2/17	0602.01.0068	Cái/ Pcs	30	20			
3	0602.01.0067	Con lăn / Idler. Ø133x465-6206-2/22	0602.01.0067	Cái/ Pcs	150	50			
4	0602.01.0070	Con lăn / Idler. Ø133/89x465-6206-2/22	0602.01.0070	Cái/ Pcs	50	20			
5	0601.01.0022	Con lăn / Idler. Ø160x465-6308-2/20	0601.01.0022	Cái/ Pcs	10	6			

TT	Mã hàng	Tên vật tư./Item Quy cách giá./Specifications bids	Bản vẽ và các yêu cầu kỹ thuật./ Drawings and technical requirements	ĐVT./ Unit	Số lượng./Qu antity	Số lượng giao hàng đợt 1	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offer ed unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Am ount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]=[6]*[8]	[10]
6	0601.01.0023	con lăn giảm chấn / Impact idler. Ø160/108x465-6308-2/18	0601.01.0023	Cái/ Pcs	25	10			
7	0602.01.0074	Con lăn / Idler. Ø89x125-2/14	0602.01.0074	Cái/ Pcs	150	50			
8	0802.01.0009	Con lăn đường hồi / Idler. Ø89x950- 6205-2x14	0802.01.0009	Cái/ Pcs	20	8			
9	0803.01.0019	Con lăn giảm chấn / Impact idler. Ø89/60x315x6205-2/14	0803.01.0019	Cái/ Pcs	40	10			
10	0803.01.0013	Con lăn đà tách băng / Idler. Ø100x350-6307-1/Shaft Ø45x155	0803.01.0013	Cái/ Pcs	16	8			
11	0802.01.0006	Con lăn đặc biệt băng tải ống 4. Ø133x530-6306-2/18	0802.01.0006	Cái/ Pcs	20	10			
12	0803.01.0007	Con lăn băng tải số 4 / Idler. Ø133x530-6205-2/18	0803.01.0007	Cái/ Pcs	25	16			
13	0803.01.0008	Con lăn giảm chấn băng tải số 4 / Impact idler. Ø133/89x530-6205-	0803.01.0008	Cái/ Pcs	20	10			

TT	Mã hàng	Tên vật tư./Item Quy cách giá./Specifications bids	Bản vẽ và các yêu cầu kỹ thuật./ Drawings and technical requirements	ĐVT./ Unit	Số lượng./Qu antity	Số lượng giao hàng đợt 1	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offer ed unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Am ount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]=[6]*[8]	[10]
		2/18							
14	0801.01.0019	Con lăn / Idler. Ø140x530-6307-2/18	0801.01.0019	Cái/ Pcs	10	6			
15	0802.01.0008	Con lăn đường hồi băng tải ống 4 / Idler. Ø133x1600-6306-2/18	0802.01.0008	Cái/ Pcs	20	10			
16	0803.01.0010	Con lăn đứng băng tải số 4 / Idler. Ø76x150-1/Thread rod M16x100	0803.01.0010	Cái/ Pcs	30	20			
17	0803.02.0002	Con lăn / Idler. Ø133x250-6205- 2/Thread hole M16	0803.02.0002	Cái/ Pcs	100	40			
	Tổng cộng giá chào chưa bao gồm thuế								
	Thuế giá trị gia tăng (VAT ... %)								
	Tổng cộng giá chào bao gồm thuế								

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

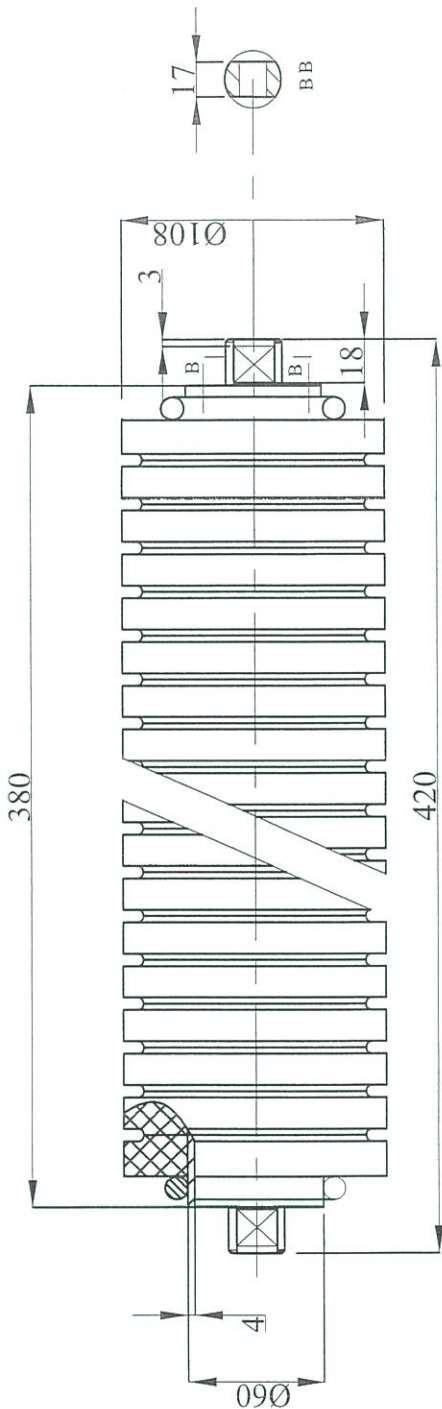


Yêu cầu kỹ thuật:

- Bản vẽ áp dụng cho băng cân B1000 nội bộ nhà máy nhiệt điện thăng long.
- Yêu cầu độ không đồng tâm trục con lăn và đường kính $\varnothing 108$ không vượt quá 0.4mm.
- Quy cách: inder con lăn $\varnothing 108 \times 1150-6205-2/18$ theo tiêu chuẩn (Vòng bi SKF, phốt kép chấn mỡ, bụi.
- Con lăn có phốt bảo vệ vòng bi: Đảm bảo cho con lăn hoạt động làm việc ở nơi có độ ẩm cao, chống nước, chống bụi...

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

Chức vụ	Họ tên	Chữ ký	CON LĂN			
Th.Kế	M.Q. Ngữ					
Ng. Vẽ	M.Q. Ngữ					
Kiểm tra	N.X. Lai		V. Liệu	Ngày/Tháng/Năm	Tờ:	Số tờ:
Duyệt	K.N. Chính		SS400	7/2024		
			Acad.file No: 0602.01.0072			

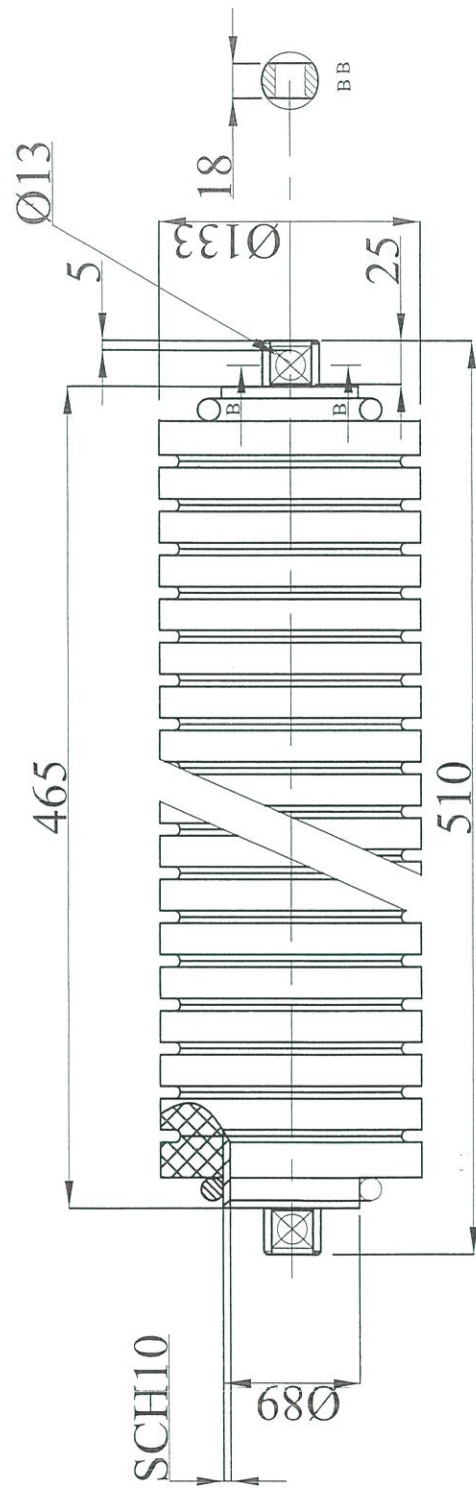


Yêu cầu kỹ thuật:

- Con lăn phải quay trơn đều, nhẹ nhàng, lớp cao su mịn, độ cứng đạt 65 Shore A.
- Con lăn giảm chấn Ø108/60x380-6205-2/17).
- Sản xuất theo tiêu chuẩn con lăn, Vòng bi SKF, Phốt chấn mỡ, bụi kép.
- Con lăn có phốt bảo vệ vòng bi: Đảm bảo cho con lăn hoạt động làm việc ở nơi có độ ẩm, môi trường bụi, mài mòn rỉ sét ...

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

Chức vụ	Họ tên	Chữ ký	Con lăn/ Idler (Giảm chấn)	Số lg	Khố. lg	Ti lệ
Th. Kế	M.Q. Ngã					
Ng. Vẽ	M.Q. Ngã					
Kiểm soát	N.X. Lai		V. Liệu		Số tờ:	
Duyệt	K.N. Chỉnh		SS400		Tờ:	
						Acad.file No: 0602.01.0068

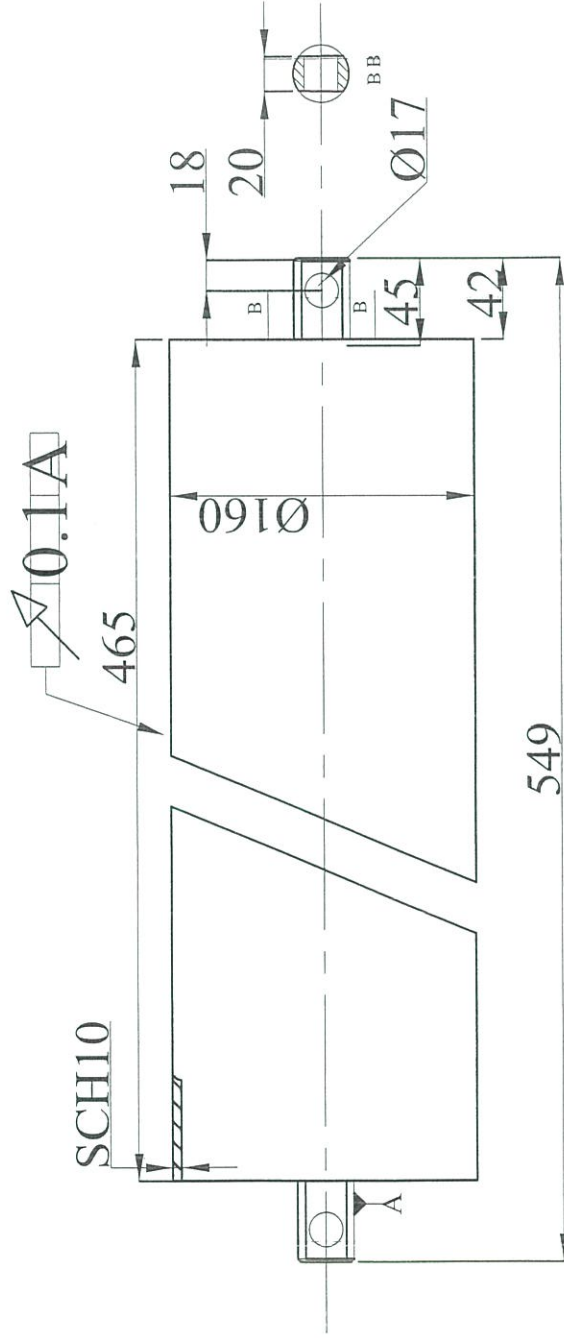


Yêu cầu kỹ thuật:

- Con lăn phải quay trơn đều, nhẹ nhàng, lớp cao su mịn, độ cứng đạt 70 Shore A.
- Con lăn giảm chấn Ø133/89x465-6206-2/22
- Con lăn có phốt bảo vệ chấn mỡ, bụi kiểu kép. vòng bi SKF: Đảm bảo cho con lăn hoạt động làm việc ở nơi có độ ẩm, môi trường bụi, mài mòn rỉ sét ...

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

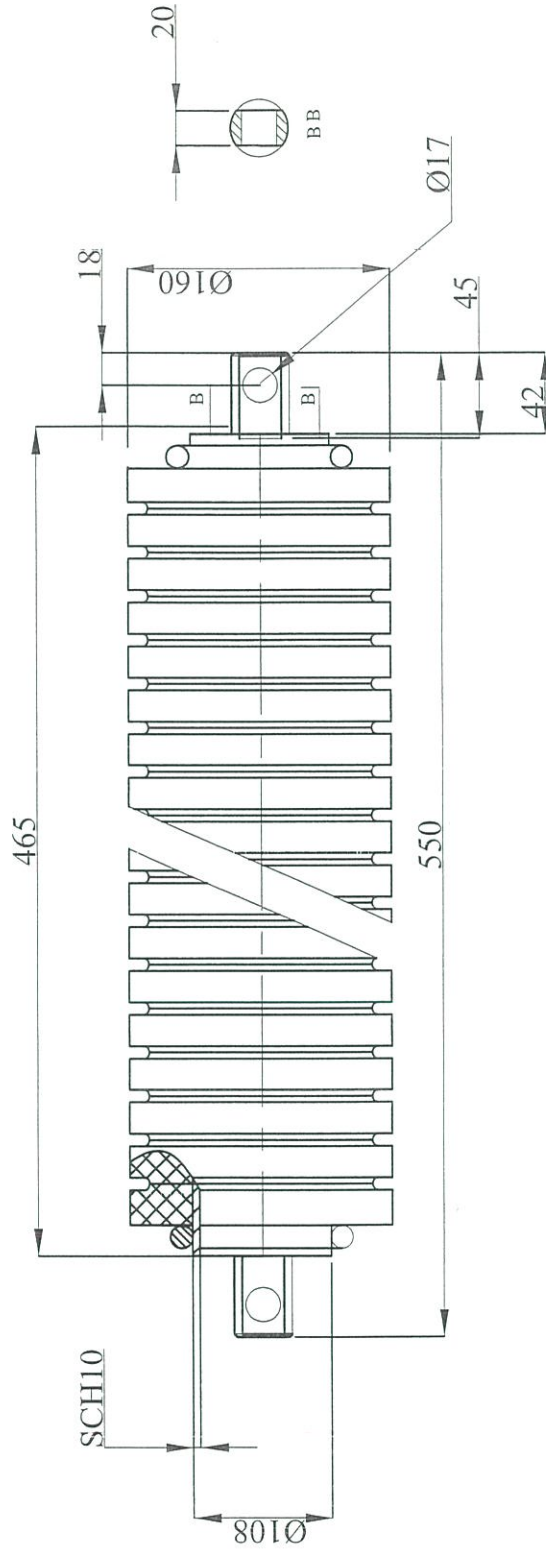
Chức vụ	Họ tên	Chữ ký	Con lăn/ Idler (giảm chấn)	Số lg	Khố: lg	Ti lệ
Th. Kế	M.Q. Ngự					
Ng. Vẽ	M.Q. Ngự					
Kiểm soát	N.X. Lai		V. Liệu	Tờ:	Số tờ:	
Duyệt	K.N. Chính		SS400	Ngày/Tháng/Năm	7/2024	Acad.file No: 0602.01.0070



Yêu cầu kỹ thuật:

- Con lăn băng cân áp dụng sử dụng nội bộ nhà máy nhiệt điện thăng long.
- Con lăn phải quay trơn đều, nhẹ nhàng, độ đảo hướng kính không vượt quá 0.1mm.
- Làm sạch và sơn bề mặt ngoài.
- Con lăn Ø160x465-6308-2/20.
- Con lăn có phốt bảo vệ chấn mỡ, bụi kiểu kép, vòng bi SKF: Đảm bảo cho con lăn hoạt động làm việc ở nơi có độ ẩm, môi trường bụi, mài mòn rỉ sét ...

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG					
Chức vụ	Họ tên	Chữ ký	Con lăn (Cầu trục bốc than) V.Lưu SS400 7/2024		
Th.Kế	M.Q. Ngừ				
Ng.Vẽ	M.Q. Ngừ				
Kiểm tra	N.X. Lai				
Duyệt	K.N. Chinh		Số lg	Khối lg	Tỉ lệ
			Tờ:	Số tờ:	
			Acad.file No: 0601.01.0022		

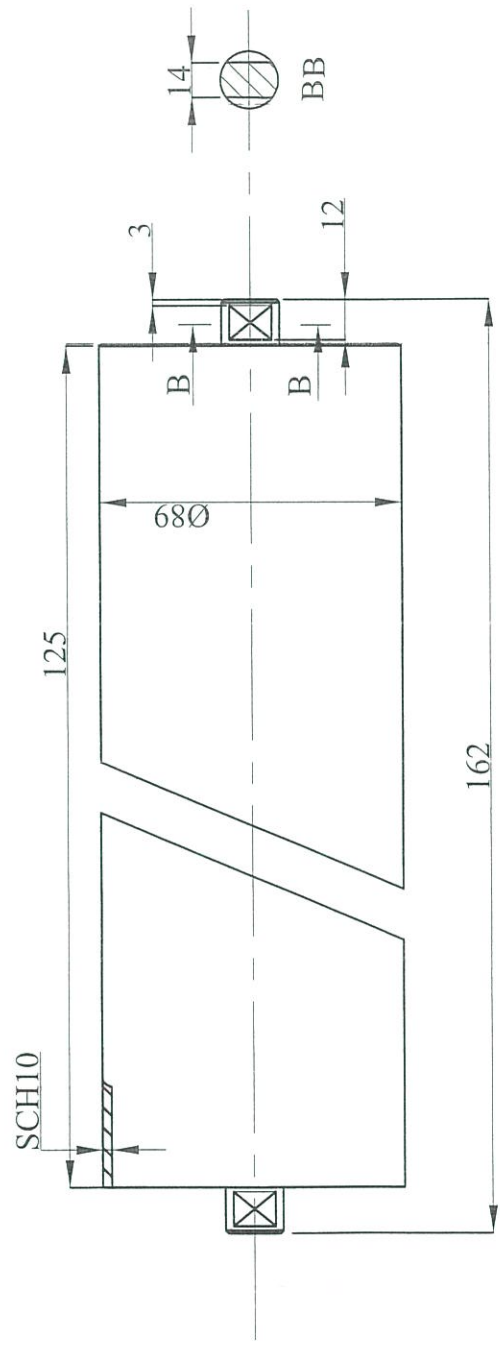


Yêu cầu kỹ thuật:

- Con lăn phải quay trơn đều, nhẹ nhàng, lớp cao su độ cứng đạt 65 Shore A.
- Con lăn giảm chấn : Ø160/108x465-6308-2/Ø16.
- Con lăn có phốt bảo vệ chấn mỡ, bụi kiểu kép, vòng bi SKF: Đảm bảo cho con lăn hoạt động làm việc ở nơi có độ ẩm, môi trường bụi, mài mòn rỉ sét ...

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

Chức vụ	Họ tên	Chữ ký	Con lăn giảm chấn (Cầu trục bốc than)			Số lg	Khối lg	Tỉ lệ
Th.Kế	M.Q. Ngự							
Ng.Vẽ	M.Q. Ngự							
Kiểm soát	N.X. Lai		V.Liệu	Ngày/Tháng/Năm	Tờ:	Số tờ:		
Duyệt	K.N. Chính			8/2020				

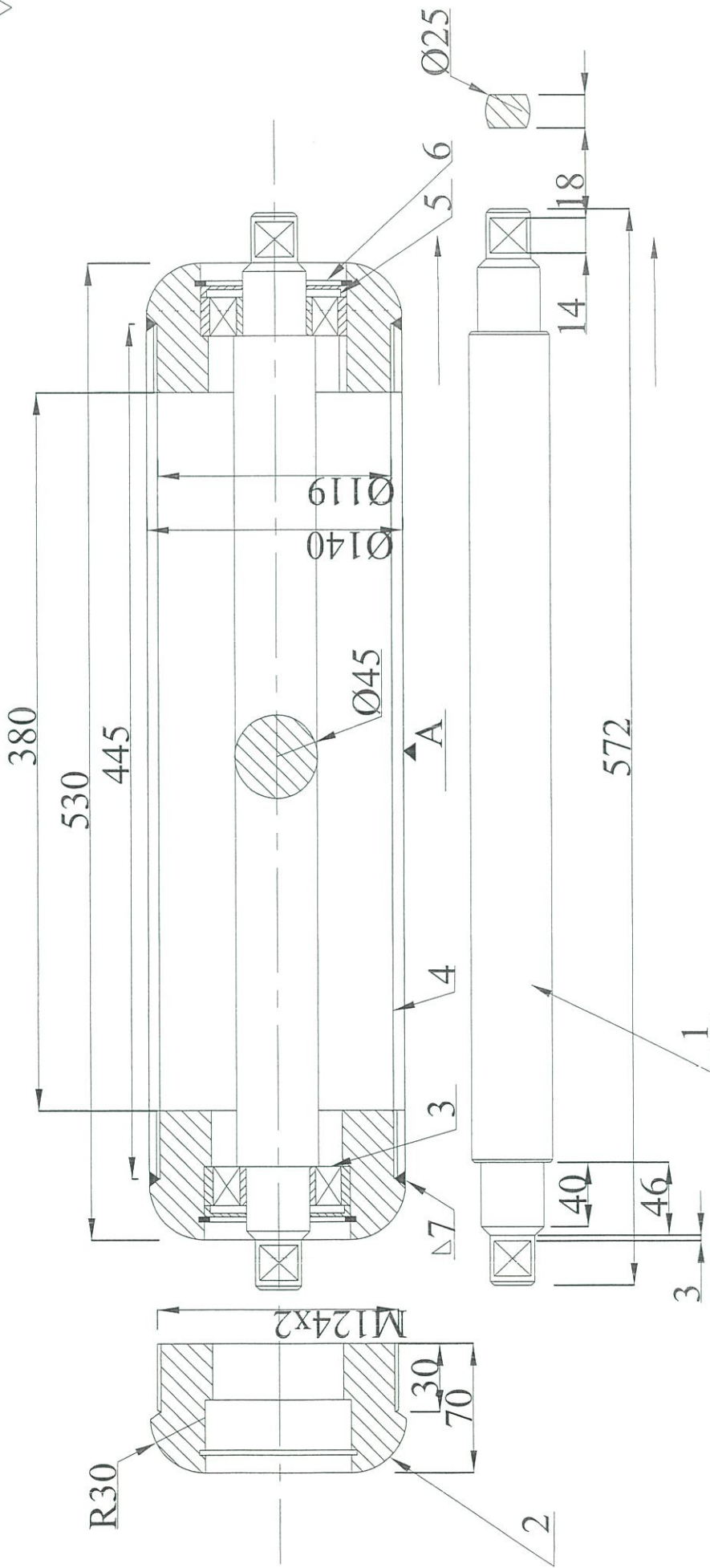


Yêu cầu kỹ thuật:

- Bản vẽ áp dụng cho con lăn ôm băng tải ống SJ780 nội bộ nhà máy nhiệt điện thăng long.
- Con lăn phải quay trơn đều, nhẹ nhàng, độ đảo hướng kính không vượt quá 0.3mm.
- Làm sạch và sơn bề mặt ngoài, cạnh sắc.
- Con lăn : Ø89x125-2/14 theo tiêu chuẩn. Phốt chấn mỡ, bụi kiểu kép. vòng bi SKF.
- Con lăn có phốt bảo vệ, vòng bi 6204-2z: Đảm bảo cho con lăn hoạt động làm việc ở nơi có độ ẩm, môi trường bụi, mài mòn rỉ sét ...

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

Chức vụ	Họ tên	Chữ ký	Con lăn/ Idler			
Th.Kế	M.Q. Ngữ		Số lg	Khố: lg	Tỉ lệ	
Ng. Vẽ	M.Q. Ngữ					
Kiểm soát	N.X. Lai				Tờ:	Số tờ:
Duyệt	K.N. Chinh		V.Lưu	SS400	Ngày/Tháng/Năm	Acad.file No: 0602.01.0074
					8/2024	



5	Vòng phanh	Din472	02
5	Bạc chặn	SS400	02
4	Vỏ con lăn	C45	01
3	Vòng bi	6307-2Z	02
2	Gối đỡ	C45	02
1	Trục con lăn	C45	01
Stt	Tên vật tư	Vật liệu	số lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

Chức vụ	Họ tên	Chữ ký	Con lăn		Số lg	Khối lg	Tỉ lệ
Th.Kế	M.Q. Ngự		(con lăn đề mớ)				
Ng.Vẽ	M.Q. Ngự		V.Liêu	Ngày/Tháng/Năm	Từ:	Số từ:	
Kiểm soát	N.X. Lai		C45	8/2024			
Duyệt	K.N. Chính						
Acad.file No: 0801.01.0019							

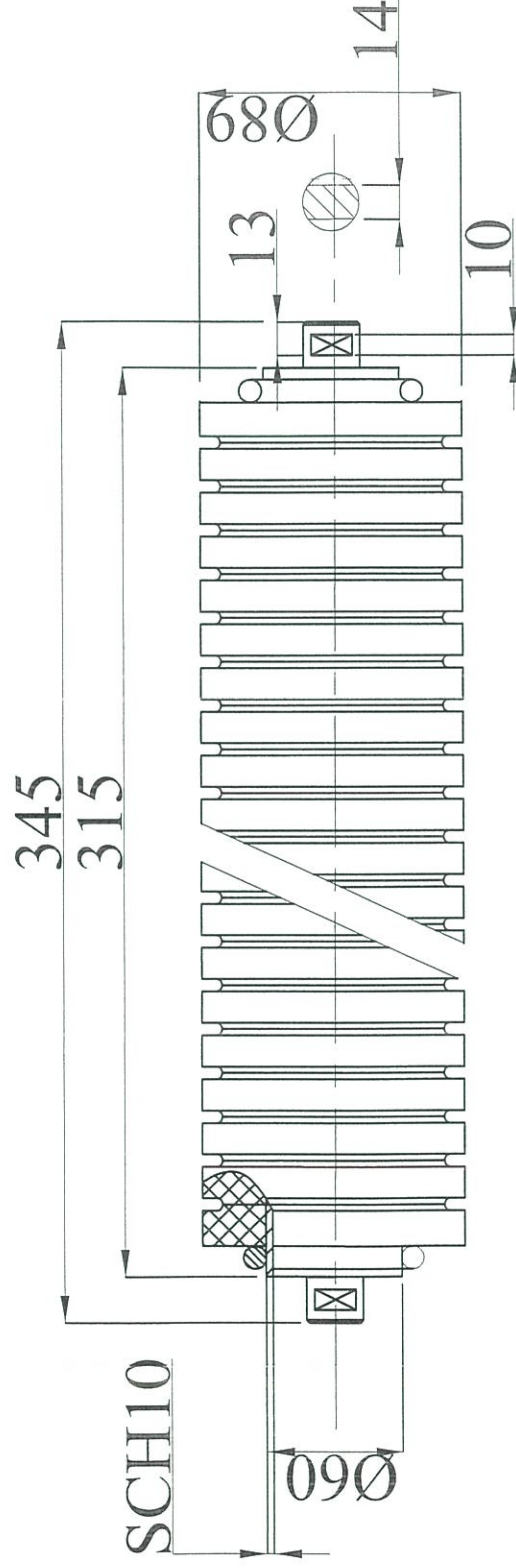
- Bản vẽ áp dụng cho băng BTO4 - B1400 nội bộ nhà máy nhiệt điện thăng long.
- Yêu cầu độ không đồng tâm mặt A Ø140 với trục phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn chế tạo con lăn.
- Quy cách: (inder) con lăn Ø140x530-6307-2/18 theo tiêu chuẩn quy cách.
- Nhiệt luyện bề mặt con lăn đạt đến 48 - 52 HRC.
- Con lăn có phốt bảo vệ chấn mỡ, bụi kiểu kép, vòng bi SKF: và đảm bảo con lăn hoạt động làm việc ở nơi có độ ẩm, môi trường bụi, chống mài mòn rỉ sét ...



- Bản vẽ áp dụng cho băng BTO4 - B1400 nội bộ nhà máy nhiệt điện thăng long.
- Yêu cầu độ không đồng tâm mặt A Ø133 với trục phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn chế tạo con lăn.
- Quy cách: (inder) con lăn Ø133x530-6306-2/18 theo tiêu chuẩn quy cách.
- Con lăn có phốt bảo vệ kiểu kép, vòng bi SKF: và đảm bảo con lăn hoạt động làm việc ở nơi có độ ẩm, môi trường bụi, chống mài mòn rỉ sét ...

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THẮNG LONG

Chức vụ	Họ tên	Chữ ký	Con lãn/ Idler (con lãn đặc biệt)					
Th. Kế	M.Q. Ngừ			Số lg	Khối lg	Ti lệ		
Ng. Vẽ	M.Q. Ngừ							
Kiểm soát	N.X. Lai		V. Liệu	Ngày/Tháng/Năm	Tờ:	Số tờ:		
Duyệt	K.N. Chính		SS400	8/2024	Acad.file No: 0802.01.0006			



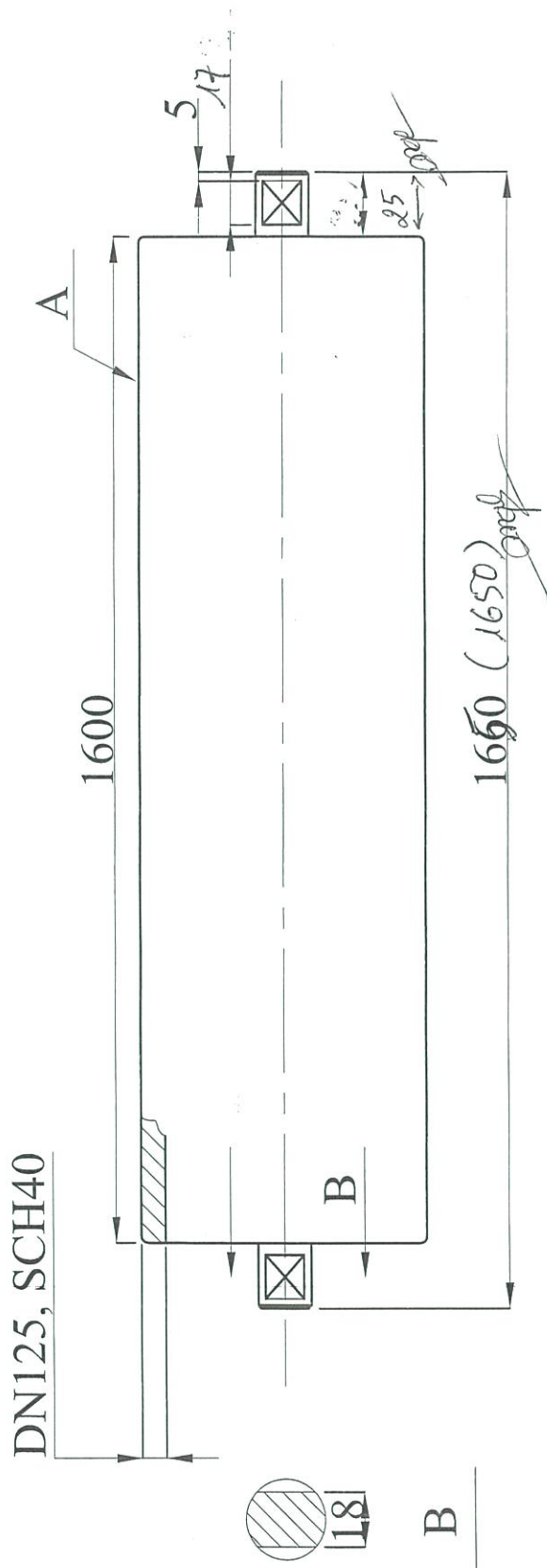
Yêu cầu kỹ thuật:

- Con lăn phải quay trơn đều, nhẹ nhàng, lớp cao su mịn, độ cứng đạt 65 Shore A trở lên.
- Con lăn giảm chấn băng tải ống 1,2,3 : Ø89/60x315-6205-2/14.
- Con lăn có phốt bảo vệ vòng bi: Đảm bảo đủ điều kiện làm việc ngoài trời, chống nước, môi trường bụi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

Chức vụ	Họ tên	Chữ ký	Con lăn giảm chấn.		
Th. Kế	M.Q. Ngự		Số lg	Khối lg	Tỉ lệ
Ng. Vẽ	M.Q. Ngự				
Kiểm tra	N.X. Lai		Tờ:	Số tờ:	
Duyệt	K.N. Chirh		V.Liêu	Ngày/Tháng/Năm	
			SS400	6/2020	
			Acad.file No: 0803.01.0019		

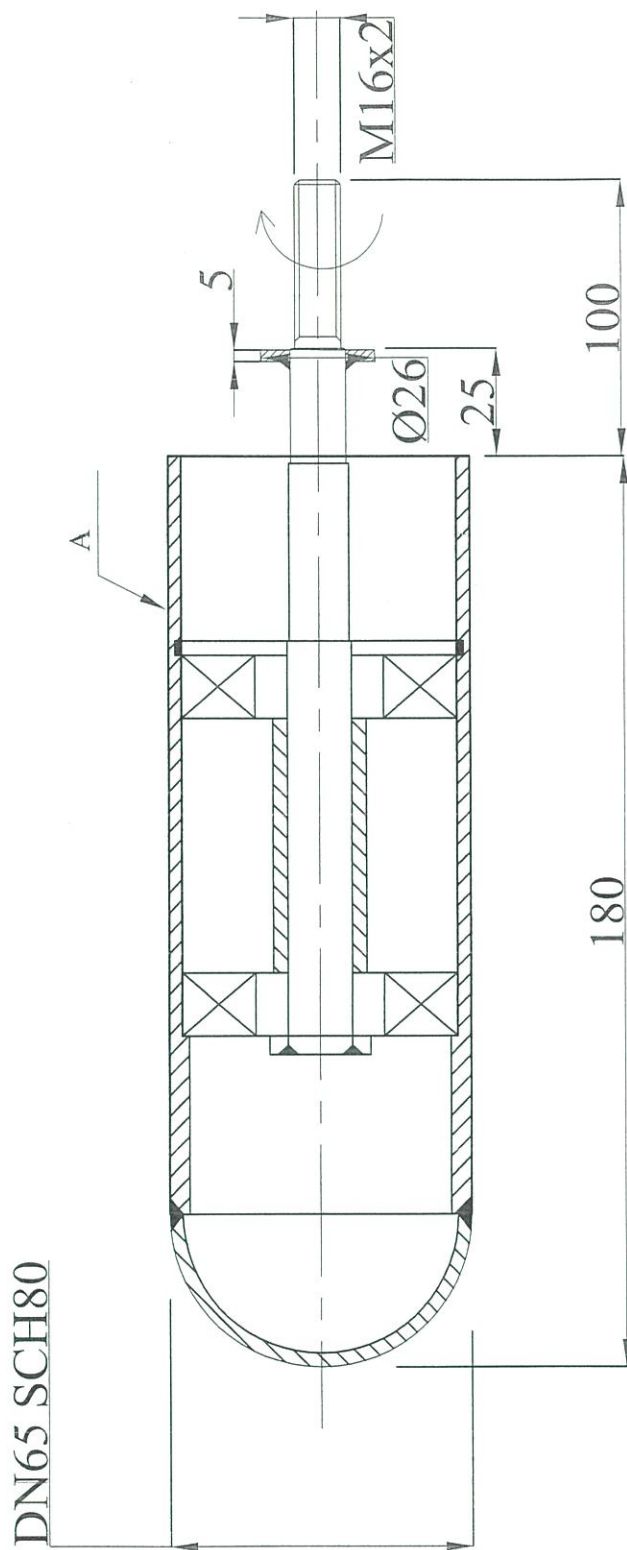
14



- Bản vẽ áp dụng cho băng BTO4 - B1400 nội bộ nhà máy nhiệt điện thăng long.
- Yêu cầu độ không đồng tâm mặt A Ø133 với trục phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn chế tạo con lăn.
- Đường kính Ø133 danh nghĩa tùy chỉnh dựa theo tiêu chuẩn DN125 SCH40
- Quy cách: inder con lăn Ø133x1600-6306-2/18 theo tiêu chuẩn quy cách.
- Con lăn có phốt bảo vệ vòng bi: và đảm bảo con lăn hoạt động làm việc ở nơi có độ ẩm, môi trường bụi, mài mòn rỉ sét ...

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

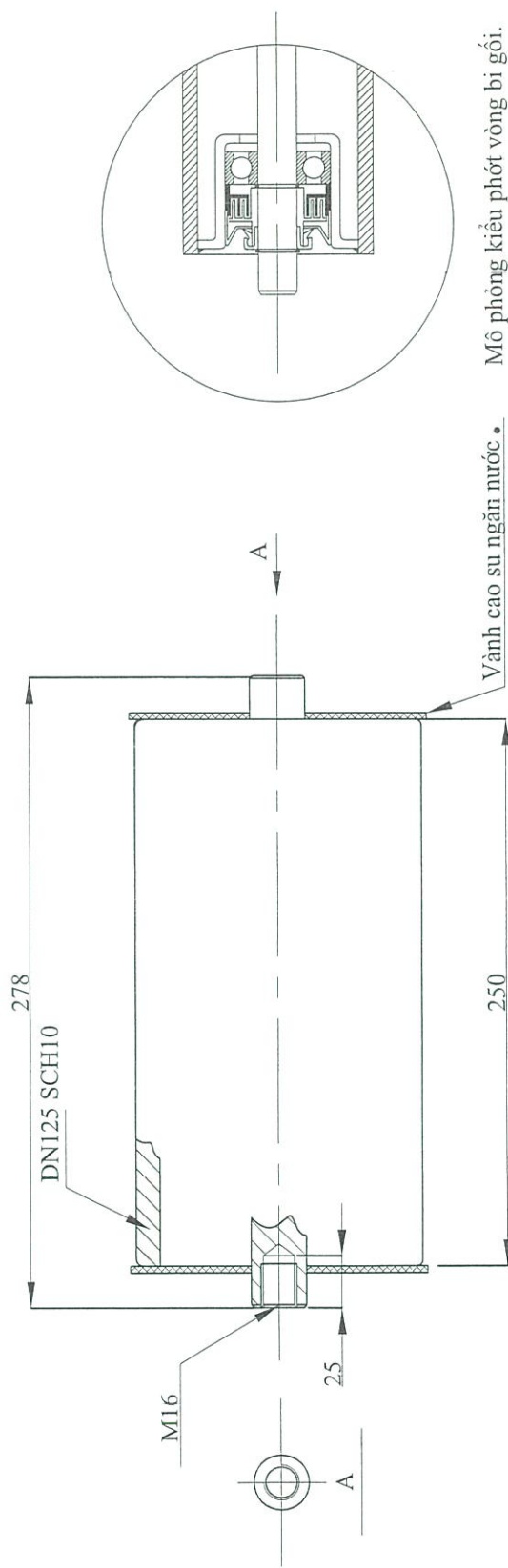
Chức vụ	Họ tên	Chữ ký	Con lăn Đường Hồi BTO4/ Idler			
Th. Kế	M. Q. Ngừ		Số lg	Khối lg	Tỉ lệ	
Ng. Vẽ	M. Q. Ngừ					
Kiểm tra	N. i		V. Liệu	Ngày/Tháng/Năm	Tờ:	Số tờ:
Duyệt	K. N. Chính			02/2024		



- Bản vẽ áp dụng cho băng con lăn chống lệch BTO4 nội bộ nhà máy nhiệt điện thăng long.
- Yêu cầu độ không đồng tâm trục con lăn và đường kính Ø76 theo tiêu chuẩn chế tạo.
- Quy cách: inder con lăn Ø76x150-6304 theo tiêu chuẩn.
- Con lăn có phốt bảo vệ vòng bi: Đảm bảo cho con lăn hoạt động làm việc ở nơi có độ ẩm, môi trường bụi, mài mòn rỉ sét ...
- Con lăn khi giao hàng có kèm theo 2 đai ốc M16 lắp sẵn cùng đệm băng theo tiêu chuẩn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THẮNG LONG

Chức vụ	Họ tên	Chữ ký	Con lần đứng BTO4/ Idler			
Th. Kế	M.Q. Ngừ		V. Liệu	Ngày/Tháng/Năm	Số lg	Ti lệ
Ng. Vẽ	M.Q. Ngừ					
Kiểm soát	N.X. Lai					
Duyệt	K.N. Chính		Tờ:	Số tờ:	Acad.file No: 0803.01.0010	
			8/2024			



Mô phỏng kiểu phốt vòng bị gói.

- Bán vẽ áp dụng cho băng BTO4 - B1400 nội bộ nhà máy nhiệt điện thăng long.
- Yêu cầu độ không đồng tâm mặt A Ø133 với trục phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn chế tạo con lăn.
- Quy cách: (inner) con lăn Ø133x250-6205-2/Thread hole M16, theo tiêu chuẩn quy cách.
- Con lăn có phốt bảo vệ chấn mỡ, bụi kiểu kép, vòng bi SKF; và đảm bảo con lăn hoạt động làm việc ở nơi có độ ẩm, môi trường bụi, chống mài mòn rỉ sét ...

17

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

Chức vụ	Họ tên	Chức ký	Con lần (Idler)					
Th. Kế	M.Q. Ngự					Số lg	Khối lg	Ti lệ
Ng. Vẽ	M.Q. Ngự							
Kiểm soát	N.X. Lai		V. Liệu	Ngày/Tháng/Năm	Từ:	Số tờ:		
Duyệt	K.N. Chinh		C45	3/2024	Acad. file No: 0803 02.0002			

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ PURCHASE REQUESTION

Số: DN2400802

Ngày 5 tháng 2 năm 2025

Tên phòng ban: Department	Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Proposer:	Mai Quý Ngừ	Ngày đề nghị: Request Date	05-02-2025	Ngày cần hàng: Receive date	23-04-2025
Loại hàng hóa: Products type :	Vật tư Equipments	Phụ tùng Accessories	☒	Công cụ dụng cụ Tools	☐	Dịch vụ Service	☐
Lý do mua sắm: Order reason	Sửa chữa sự cố : Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories :	☐	Đầu tư bổ sung supplements	☐	Tiêu hao Consumable part :	☒
Hình thức mua sắm: Purchase Type		Theo kế hoạch đã duyệt: Approved plan	☒			Phát sinh ngoài kế hoạch / incurred out of plan	☐

STT/ No.	Mã vật tư/ Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua /Purchase repuestion				Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/ Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngày / Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup				
1	✓ 0602.01.0072	Con lăn / Idler ✓	Ø108x1150-6205-2/18	Cái/Pcs	Replace idler for coal handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển băng tải than	✓ 30.00	20.00	10.00		15.00	30.00	✓
2	✓ 0602.01.0068	Con lăn giảm chấn / Impact idler	Ø108/60x380-6205-2/17	Cái/Pcs	Replace idler for coal handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển băng tải than	✓ 30.00	20.00	10.00		25.00	30.00	✓
3	0602.01.0077	Con lăn tròn (Conical idler)	Ø176/408x560-6205-2/18	Cái	Replace idler for coal handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển băng tải than	10.00	4.00	6.00		10.00		✓
4	✓ 0602.01.0067	Con lăn / Idler ✓	Ø133x465-6206-2/22	Cái/Pcs	Replace idler for coal handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển băng tải than		50.00	100.00		0.00	150.00	✓

Handwritten signature and date

STT/ No.	Mã vật tư/Item code	Tên vật tư/Item	Quy cách/Specification	Đơn vị tính /Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua /Purchase repuestion				Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay / Quantity for instant use	Dự phòng/Quantity for backup				
5	0602.01.0070	Con lăn / Idler	Ø133/89x465-6206-2/22	Cái/Pcs	Replace idler for coal handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển băng tải thanReplace idler for coal handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển băng tải than	50.00	20.00	30.00	25.00	50.00	✓	✓
6	0601.01.0022	Con lăn / Idler	Ø160x465-6308-2/20	Cái/Pcs	Replace idler for coal handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển băng tải than	10.00	6.00	4.00	10.00	10.00	✓	✓
7	0601.01.0023	con lăn giảm chấn / Impact idler	Ø160/108x465-6308-2/18	Cái/Pcs	Replace idler for coal handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển băng tải than	25.00	10.00	15.00	0.00	25.00	✓	✓
8	0802.01.0002	Con lăn / Idler	Ø108x315-6205-2/18	Cái/Pcs	Replace idler for coal handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển băng tải than	16.00	10.00	6.00	0.00	16.00		
9	0602.01.0074	Con lăn / Idler	Ø89x125-2/14	Cái/Pcs	Replace idler for fly ash and bottom ash handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển thải tro xỉ	150.00	50.00	100.00	70.00	150.00	✓	✓
10	0603.01.0014	Con lăn / Idler	Ø133x465-6306-2/18-2xØ13	Cái/Pcs	Replace idler for coal handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển băng tải than	15.00	8.00	7.00	12.00	15.00		
11	0802.01.0009	Con lăn đường hồi / Idler	Ø89x950-6205-2x14	Cái/Pcs	Replace idler for fly ash and bottom ash handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển thải tro xỉ.	20.00	8.00	12.00	13.00	20.00	✓	✓
12	0803.01.0019	Con lăn giảm chấn / Impact idler	Ø89/60x315x6205-2/14	Cái/Pcs	Replace idler for fly ash and bottom ash handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển thải tro xỉ	40.00	10.00	30.00	6.00	40.00	✓	✓

(Signature)

STT/ Số.	Mã vật tư/ Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua /Purchase repuestion			Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay / Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup			
13	0803.01.0013	Con lăn dè tách băng / Idler	Ø100x 350-6307-1/Shaft Ø45x 155	Cái/Pcs	Replace idler for fly ash and bottom ash handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển thải tro xỉ	16.00	8.00	8.00	4,0	16.00	✓
14	0802.01.0006	Con lăn đặc biệt băng tải ống 4	Ø133x 530-6306-2/18	Cái	Rep lace idler for fly ash and bottom ash handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển thải tro xỉ	20.00	10.00	10.00	10.00	20.00	08.02.01.0006 ✓
15	0803.01.0007	Con lăn băng tải số 4 / Idler	Ø133x 530-6205-2/18	Cái/Pcs	Replace idler for fly ash and bottom ash handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển thải tro xỉ	25.00	16.00	9.00	19.00	25.00	0007 ✓
16	0803.01.0008	Con lăn giảm chấn băng tải số 4 / Impact idler	Ø133/89x 530-6205-2/18	Cái/Pcs	Replace idler for fly ash and bottom ash handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển thải tro xỉ	20.00	10.00	10.00	10.00	20.00	✓
17	0801.01.0019	Con lăn / Idler	Ø140x 530-6307-2/18	Cái/Pcs	Rep lace idler for fly ash and bottom ash handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển thải tro xỉ	10.00	6.00	4.00	12.00	10.00	✓
18	0802.01.0008	Con lăn đường hồi băng tải ống 4 / Idler	Ø133x 1600-6306-2/18	Cái/Pcs	Replace idler for fly ash and bottom ash handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển thải tro xỉ	20.00	10.00	10.00	20.00	20.00	0802.01.0008 ✓

Đã duyệt
Đã duyệt

STT/ No.	Mã vật tư/ Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua /Purchase repuestion				Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/ Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay / Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup				
19	0803.01.0010	Con lăn đứng băng tải số 4 / Idler	Ø76x 150-1/Thread rod M16x 100	Cái/Pcs	Replace idler for fly ash and bottom ash handling system/ Thay thế con lăn hệ thống vận chuyển thải tro xỉ	30.00	20.00	10.00		23.00	30.00	✓
Cộng/ ToTal						687.00	296.00	391.00			687.00	

Bộ phận đề nghị/ Proposed Department		Phòng QLK/ Warehouse Department		Phó GDSX/DCPO		Giám đốc SXKD/COO	
Người đề nghị/ Proposer	TBP đề nghị/ Manager	AH02 2025-06-06					
Nơi ký/ Nơi	Nguyễn Xuân Lai	Hàng Thái Đức Hoàng		Châu Ngọc Châu		Đi công vụ	

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/PUCHASE REQUESTION

Số: DN2500268

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Tên phòng ban: Department	Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Proposer:	Mai Quý Ngừ	Ngày đề nghị: Request Date	17-03-2025	Ngày nhận hàng: Receive date	17-06-2025
Loại hàng hóa: Products type :	Vật tư Equipments	Phụ tùng Accessories	☒	Công cụ dụng cụ Tools	☐	Dịch vụ Service	☐
Lý do mua sắm: Order reason	Sửa chữa sự cố : Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories :	☐	Đầu tư bổ sung supplements	☐	Tiêu hao Consumable part :	☐
Hình thức mua sắm: Purchase Type		Theo kế hoạch đã duyệt: Approved plan	☒			Phát sinh ngoài kế hoạch / incurrred out of plan	☐

STT/ No.	Mã vật tư/Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Tồn kho/ inventory	Đề nghị mua /Purchase repuestion			Duyệt mua/ approval	Ghi chú/ Note
							Sử dụng ngay/ Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup	Số lượng mua/ Quantity order		
1	0803.02.0002	Con lăn / Idler	Ø133x250-6205-2/Thread hole M16	Cái/Pes	Thay thế con lăn ôm băng hỏng băng tải ông 4/ Replace the damaged idler hugger of the tube belt convey or 4.	10.00	40.00	70.00	100.00	100.00	✓
Cộng/ ToTal							40.00	70.00	100.00	100.00	

Bộ phận đề nghị/ Proposed Department		Phòng QLK/ Warehouse Department	Phó GDSX/DCPO	Giám đốc SXKD/COO
Người đề nghị/ Proposer	TBP đề nghị/ Manager	17/3 2025		
Đại diện/ Ngừ	Nguyễn Xuân Lai	Trưởng Đồn Thắc Hắc Hắc Hắc		